

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 13 - 6 - 2023

V/v Ly hôn và chia tài sản khi ly
hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Việt Bắc;

Ông Nguyễn Hải Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Phạm Hoàng A, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 02 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/3/2023, các lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Được sự đồng ý của cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới chị và ông Phạm Hoàng A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chồng không chăm lo cuộc sống gia đình, nhậu nhẹt với bạn bè về nhà kiếm chuyện cự

cãi và đánh bà nhiều lần. Ông A đã nhiều lần hứa sửa đổi nhưng không thực hiện và vẫn còn có hành vi đập phá tài sản. Bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông A, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Hoàng A.

Về con chung có 02 con chung tên Phạm Như H, sinh ngày 20/01/2001 và Phạm Hồng A1 sinh ngày 26/4/2010, con tên Phạm Như H đã trưởng thành nên không yêu cầu con tên Phạm Hồng A1 bị bệnh bẩm sinh bà yêu cầu trực tiếp nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng;

Về tài sản chung có 01 căn nhà cấp 4 ngang 4,5 mét dài 12 mét cất năm 2014 tại ấp 2, xã H, huyện U, tỉnh Cà Mau cất trên đất của ông Lâm Văn Nghị, địa chỉ ấp 2, xã H, huyện U giá trị nhà là 50.000.000 đồng, bà yêu cầu nhận nhà và giao lại cho ông A $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà. Tại phiên tòa, bà xác định nhà có giá trị là 110.000.000 đồng, bà đồng ý nhận nhà để có nơi ở nuôi con bị bệnh bẩm sinh, bà đồng ý giao lại cho ông A một nửa giá trị căn nhà là 55.000.000 đồng. Nợ chung: không có.

- Quá trình tố tụng bị đơn ông Phạm Hoàng A trình bày: Về hôn nhân do bà H tự ý bỏ nhà đi, không để lại tiền cho ông trị bệnh nên về hôn nhân ông không đồng ý ly hôn. Về tài sản: bà H phải đem tiền hụi, vàng về cho ông thì ông mới đồng ý ly hôn, về căn nhà bà H yêu cầu chia căn nhà thì ông không đồng ý giao nhà mà để lại. Về nợ chung: Không có. Về tài sản chung ông làm đơn yêu cầu sau. Về căn nhà cất trên đất vợ chồng mua của Lâm Văn Nghị (Nghị) giấy tờ bà H giữ.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận bà H và ông A ly hôn. Con giao cho bà H nuôi Phạm Hồng A1, sinh năm 2010. Về tài sản yêu cầu ngừng phiên tòa để định giá làm căn cứ chia nhưng không được chấp nhận nên không phát biểu ý kiến. Án phí đương sự phải chịu theo quy định của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của bà Trần Thị H được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị H và ông Phạm Hoàng A tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2000 theo quy định nên quan hệ hôn

nhân của bà Trần Thị H và ông Phạm Hoàng A là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà H và ông A xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được, ông A có hành vi bạo lực gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng dẫn đến bà H đã từng nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông A tại Tòa án. Đối với yêu cầu của bà Trần Thị H, ông Phạm Hoàng A không đồng ý ly hôn, tuy nhiên, xét thấy quá trình chung sống, vợ chồng ông A và bà H có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông A có hành vi bạo lực gia đình, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà H với ông A là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: tên Phạm Như H, sinh ngày 20/01/2001 và Phạm Hồng A1 sinh ngày 26/4/2010. Xét thấy con tên Phạm Như H đã trưởng thành, đã có gia đình riêng nên không xem xét. Đối với con tên Phạm Hồng A1, sinh năm 2010 bị bệnh bẩm sinh có hưởng trợ cấp xã hội, bà H yêu cầu trực tiếp nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng, xét thấy con chung bị bệnh khuyết tật bẩm sinh cần có người chăm sóc bà H yêu cầu nuôi con, ông A không có ý kiến, để đảm bảo quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà H, giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét

- Tài sản chung: các đương sự xác định tài sản chung có 01 căn nhà cấp 4, theo biên bản xem xét thẩm định nhà có chiều ngang 4,5 mét dài 11 mét có kết cấu cây gỗ địa phương, mái lợp tol, vách tường, nền lát gạch men cất năm 2014.

Theo đơn khởi kiện bổ sung bà H xác định nhà có giá trị là 50.000.000 đồng. Đối với yêu cầu chia tài sản chung, tại phiên hòa giải, ông A có ý kiến sẽ nộp đơn yêu cầu sau, tuy nhiên, ông A không nộp đơn yêu cầu về tài sản chung và vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa, bà H xác định giá trị căn nhà là tài sản chung có giá trị là 110.000.000 đồng và không yêu cầu thẩm định giá. Kiểm sát viên yêu cầu ngừng phiên tòa để định giá căn nhà làm căn cứ chia. Xét thấy, ông A không có văn bản có yêu cầu đối với tài sản chung và vắng mặt tại phiên tòa, được xem là đã từ bỏ quyền lợi của mình, tại phiên tòa, bà H đưa ra giá trị nhà cao hơn so với đơn khởi kiện bổ sung, có lợi cho bị đơn nên không cần thiết phải ngừng phiên tòa để thẩm định giá. Giá trị căn nhà là tài sản chung của ông A và bà H được xác định có giá trị là 110.000.000 đồng. Bà H yêu cầu nhận nhà và đồng ý giao lại cho ông A $\frac{1}{2}$ giá trị. Căn nhà là tài sản chung nên bà H yêu cầu chia mỗi người $\frac{1}{2}$ là có căn cứ. Xét con chung tên Phạm Hồng A1 được giao cho bà H nuôi dưỡng, bị bệnh khuyết tật bẩm sinh, nhà được cất trên đất của ông Lâm Văn Nghị, ông Nghị có ý kiến nếu giao nhà cho bà H ở thì ông Nghị đồng ý tiếp tục cho mượn đất, nếu giao nhà cho ông A thì yêu cầu dỡ nhà trả đất. Việc nhà cất trên đất mượn và ý kiến của chủ đất cũng như để đảm bảo điều kiện nuôi con của bà H sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về tài sản, giao căn nhà là tài sản chung của ông A và bà H cho bà H sở hữu, bà H giao lại cho ông A $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 55.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án

còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về nợ: Bà H, ông A thống nhất không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Chi phí xem xét thẩm định 300.000 đồng, mỗi người phải chịu một nửa, bà H đã nộp xong nên buộc ông A trả lại cho bà H 150.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch 300.000 đồng, án phí đối với tài sản được chia $55.000.000 \times 5\% = 2.750.000$ đồng. tổng cộng là 3.050.000 đồng.

Ông Phạm Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản được nhận trị giá $55.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.750.000$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 59, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 6 Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phạm Hoàng A.

- Con chung: Giao con chung tên Phạm Hồng A1, sinh năm 2010 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông A có quyền thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Tài sản chung: có 01 căn nhà cấp 4 tại ấp 2, xã H, huyện U, tỉnh Cà Mau cất trên đất của ông Lâm Văn Nghị trị giá 110.000.000 đồng. Giao căn nhà cho bà Trần Thị H sở hữu, bà H giao lại cho ông Phạm Hoàng A giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà là 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị H phải nộp tổng cộng 3.050.000 đồng. Bà Trần Thị H đã nộp tạm ứng án phí tổng cộng 925.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011062 ngày 23/3/2023 và biên lai số 0010958 ngày 15/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí. Bà H nộp tiếp án phí số tiền 2.125.000 (hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

Ông Phạm Hoàng A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 2.750.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng (chưa nộp).

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện U, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Việt Hằng